

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2020

V/v: Ly hôn, chia tài sản giữa
chị M và anh P

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 180/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc xin ly hôn, chia tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Hương M, sinh năm 1998; Địa chỉ: Xóm 12, xã Hải VP, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt”

- *Bị đơn:* Anh Lại Văn P, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm 10, xã Hải B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Hương M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Hương M và anh Lại Văn P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hải B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20-02-2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại nhà mẹ nuôi của anh P ở xã Hải B được khoảng 1 tuần thì anh P đi làm kinh tế ở trên Hà Nội, khoảng 1 tháng anh P mới về nhà một lần. Đến tháng 9-2019, chị M và anh P bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P luôn nghi ngờ chị M không chung thủy nên anh P thường xuyên tra khảo tất cả các công việc chị M làm hàng ngày từ

công ty chỗ chị làm cho đến khi về nhà. Do quá mệt mỏi nên từ tháng 12-2019 đến nay chị M đã về sống với bố mẹ đẻ ở xã Hải VP, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị M làm đơn xin được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị M và anh P không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Chị M thừa nhận có giữ của anh P 5 chỉ vàng 24k; Trong quá trình chung sống anh P đã lấy của chị tổng cộng 18.200.000đ gồm: 9.200.000đ (8.100.000đ + 1.100.000đ) tiền mừng đám cưới của riêng chị, 4.000.000đ trong ví và 5.000.000đ trong tài khoản Ngân hàng của chị, ngoài ra còn lấy của chị một số khoản tiền khác chị không đề nghị. Số tiền anh P lấy của chị nhiều hơn trị giá vàng anh P đã đưa cho chị giữ. Do vậy, đến nay chị không đồng ý trả lại anh P 5 chỉ vàng 24k.

- Tại bản tự khai ngày 08-7-2020, biên bản lấy lời khai ngày 13-8-2020 và trong quá trình hòa giải, bị đơn anh Lại Văn P có lời khai phù hợp với lời khai của chị M về quá trình tìm hiểu, thời gian kết hôn, chung sống của vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh P là do chị M không chăm lo đến gia đình. Nhất là tháng 11-2019, anh bị mổ ruột thừa ở Bệnh viện 19-8 trên Hà Nội, chị M đã bỏ mặc anh, không chăm sóc anh và chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Đến nay anh nhận thấy tình cảm giữa anh và chị M không còn. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh P xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Anh P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Khi tổ chức đám cưới, gia đình anh có tặng anh P 5 chỉ vàng 24k, anh có đưa cho chị M giữ hộ. Ngoài ra, trong quá trình chung sống chị M còn mượn riêng của anh số tiền 4.000.000đ để đi đóng hội riêng của chị M. Nay ly hôn anh P đề nghị chị M phải trả anh P 5 chỉ vàng 24k và 4.000.000đ. Ngoài ra, anh P chỉ thừa nhận có lấy của chị M 8.100.000đ để mua hộ cho chị M 01 điện thoại VIVO V15 có trị giá 7.990.000đ, còn thừa 110.000đ và có lấy của chị M 5.000.000đ trong tài khoản Ngân hàng để mua đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Nay anh chỉ công nhận còn giữ của chị M 110.000đ.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Trần Hương M ly hôn anh Lại Văn P. Về tài sản riêng, buộc chị M phải trả lại cho anh P 5 chỉ vàng 24k, nhưng anh P phải trả lại cho chị M 5.110.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Hương M và anh Lại Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 20-02-2019. Sau khi kết hôn, hai người chung sống một thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ tháng 12-2019 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay chị M đề nghị xin được ly hôn, anh P đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Hương M thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng, do tính tình của chị M và anh P không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, đến nay chị M và anh P đã có thời gian sống ly thân lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng: Chị M và anh P xác nhận vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản riêng: Anh Lại Văn P yêu cầu chị Trần Hương M phải trả lại anh P 5 chỉ vàng 24k và 4.000.000đ là tài sản riêng của anh P. Chị M yêu cầu được đối trừ số tiền anh P đã lấy của chị M tổng số tiền là 18.200.000đ cụ thể các khoản: 9.200.000đ (8.100.000đ + 1.100.000đ) tiền mừng đám cưới của riêng chị, 4.000.000đ trong ví và 5.000.000đ trong tài khoản Ngân hàng của chị. Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy: Tháng 2 năm 2019 gia đình hai bên có tổ chức đám cưới cho vợ chồng, anh P được gia đình tặng 5 chỉ vàng 24k, số vàng trên anh P đưa cho chị M giữ. Mặc dù, là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nhưng cả chị M và anh P đều thừa nhận hai người được hai bên gia đình tặng cho riêng tài sản nên xác định đây là tài sản riêng của anh P. Do chị M thừa nhận đang giữ số vàng này nên buộc chị M phải trả lại cho anh P là phù hợp. Về số tiền 4.000.000đ anh P đưa cho chị M mượn riêng, đến nay chị M không thừa nhận anh P không có căn cứ để chứng minh nên không được chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M có yêu cầu được đối trừ các khoản tiền anh P đã lấy của chị M tổng cộng 18.200.000đ (gồm tiền tặng phẩm khi cưới, tiền trong ví và tiền trong tài khoản Ngân hàng), mặc dù chị M không đưa ra được

chứng cứ chứng minh nhưng qua đối chất anh P chỉ thừa nhận có cầm của chị M 8.100.000đ để mua điện thoại VIVO V15 cho chị M hết 7.990.000đ. Chị M xác nhận anh P có mua điện thoại cho chị nên đến nay chỉ có căn cứ chấp nhận anh P đang giữ của chị M số tiền thừa là 110.000đ. Về số tiền 9.000.000đ chị M trình bày anh P mượn của chị, đến nay anh P thừa nhận có lấy của chị M 5.000.000đ trong tài khoản của chị M để mua đồ sinh hoạt trong gia đình, nhưng chị M không thừa nhận việc anh P đã sử dụng 5.000.000đ mua đồ dùng sinh hoạt cho vợ chồng. Anh P không có chứng cứ chứng minh đã dùng số tiền này chi chung cho hai người nên buộc anh P phải trả lại chị M 5.000.000đ là phù hợp, còn các khoản tiền khác chị M đề nghị nhưng không có căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

Giá vàng 24k tại thời điểm hiện nay (thời điểm xét xử sơ thẩm) là 5.400.000đ/1 chỉ x 5 chỉ vàng 24k = 27.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Hương M phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí chia tài sản buộc chị M và anh P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 4 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Hương M và anh Lại Văn P.

2. Về tài sản:

Buộc chị Trần Hương M phải trả lại cho anh Lại Văn P 5 chỉ vàng 24k.

Buộc anh Lại Văn P phải trả lại cho chị M 5.110.000đ (năm triệu một trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Hương M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002220 ngày 8-7-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị M đã nộp đủ án phí.

Về án phí chia tài sản buộc:

- Chị Trần Hương M phải nộp 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng);

- Anh Lại Văn P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0002233 ngày 30-7-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; anh P được hoàn lại 200.000đ.

4. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 02 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã Hải B: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thúy Nga

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN